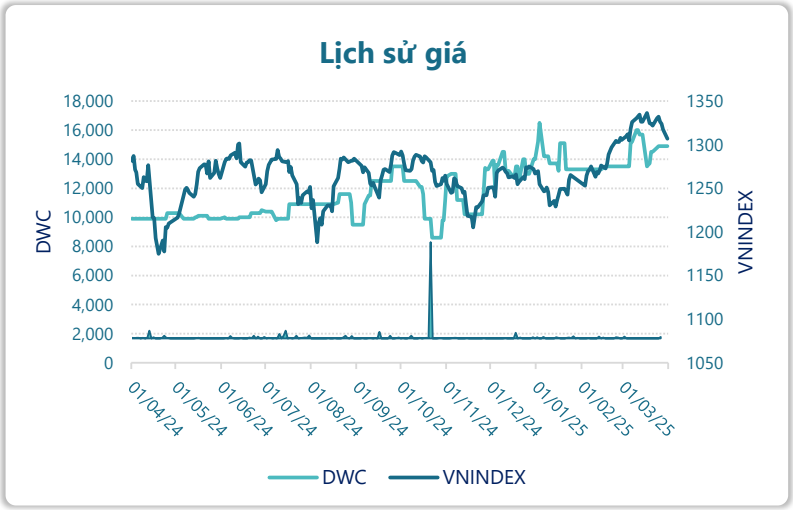
FireAnt

CTCP Cấp nước Đắk Lắk (UPCOM: DWC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
SL cổ phiếu LH	31,520,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	340
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	470
P/E	8.8
EPS	1,694

DT thuần

Q1/25

78.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.70| 10.9%

YoY: ▲ 10.3| 15.2%

LN sau thuế

Q1/25

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.10| -22.9%

YoY: ▲ 4.23| 67.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

29.2%

+/- YoY: ▲ 11.1%

DT thuần

2024

288

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0| 26.2%

LN sau thuế

2024

51.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.9| 237%

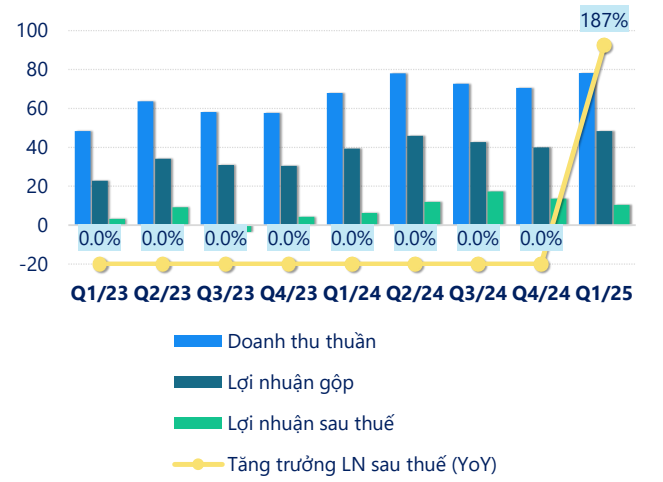
ROE

2024

15.1%

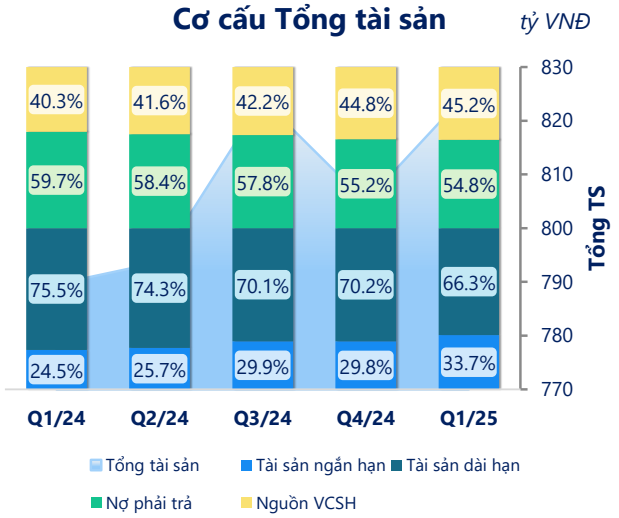
+/- YoY: ▲ 10.1%

Kết quả kinh doanh



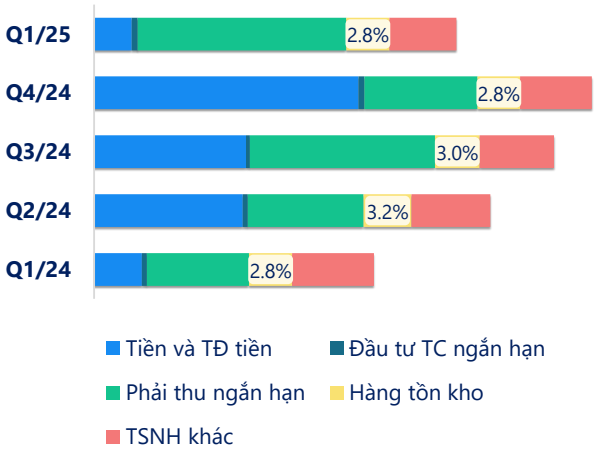
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



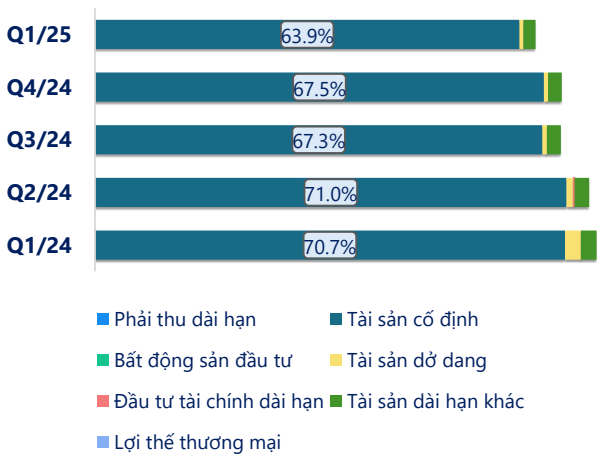
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



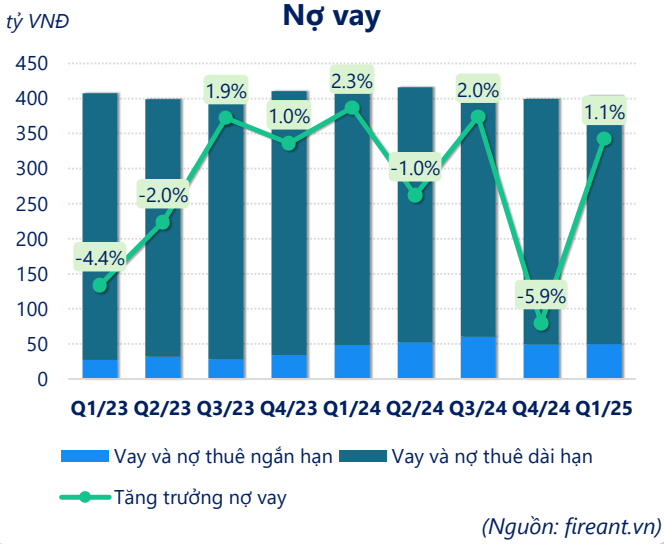
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



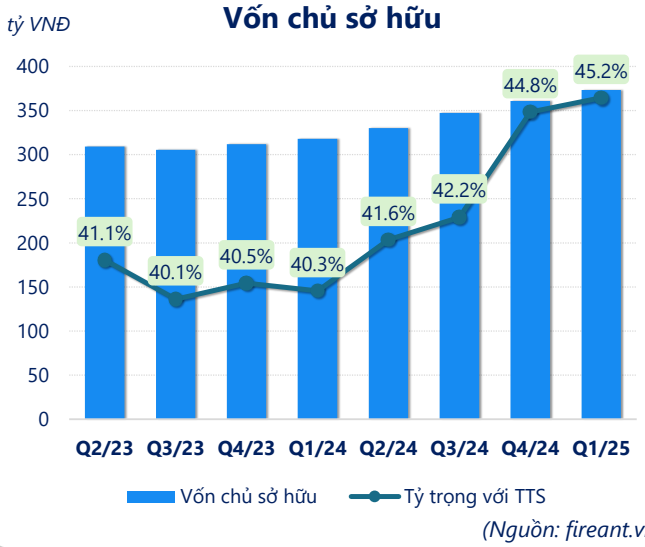
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



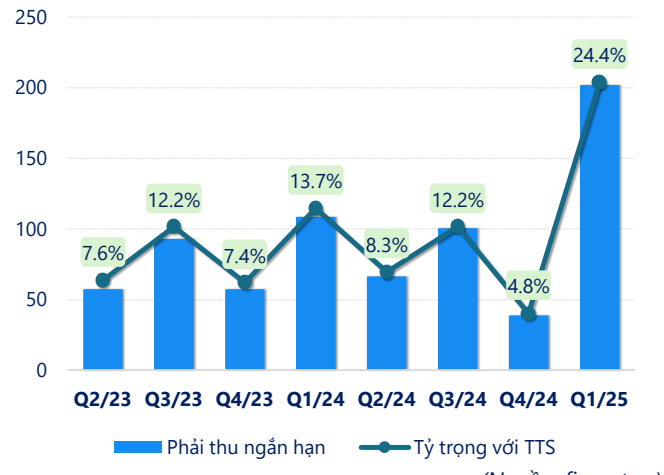
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



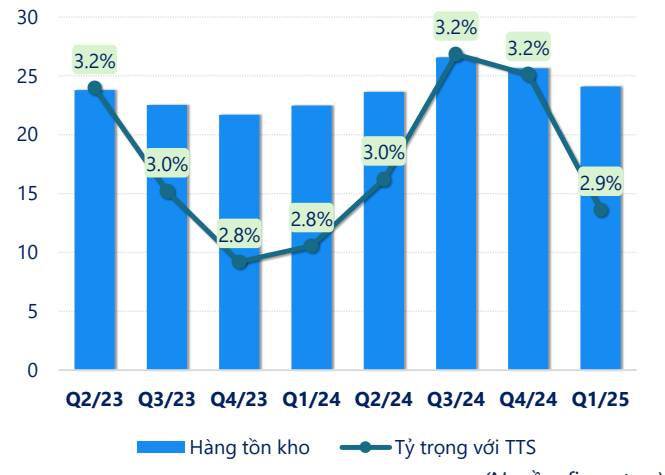
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



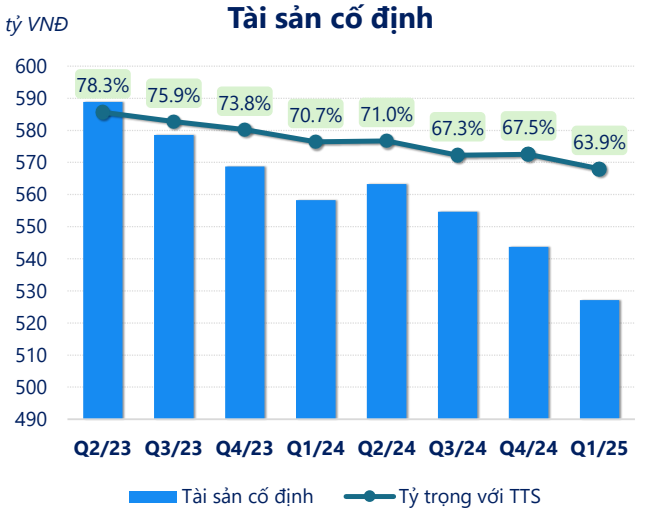
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



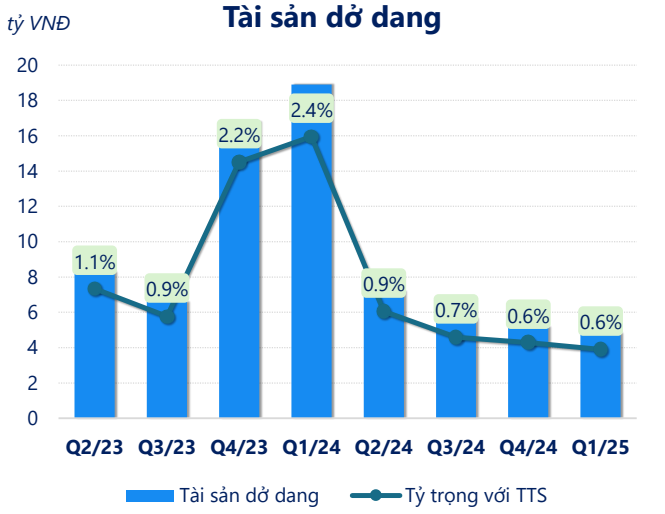
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



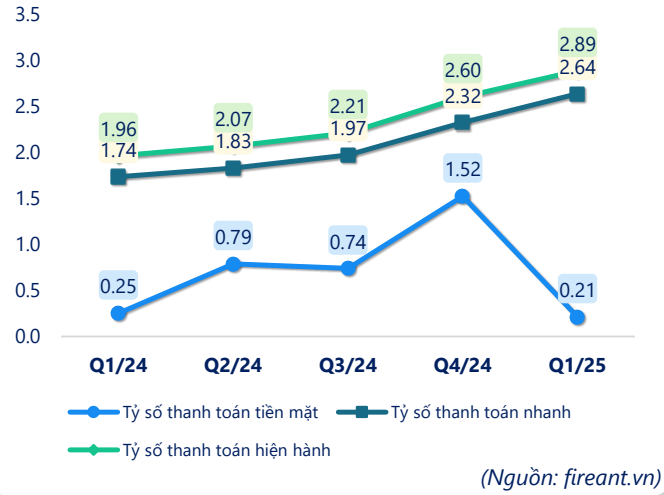
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



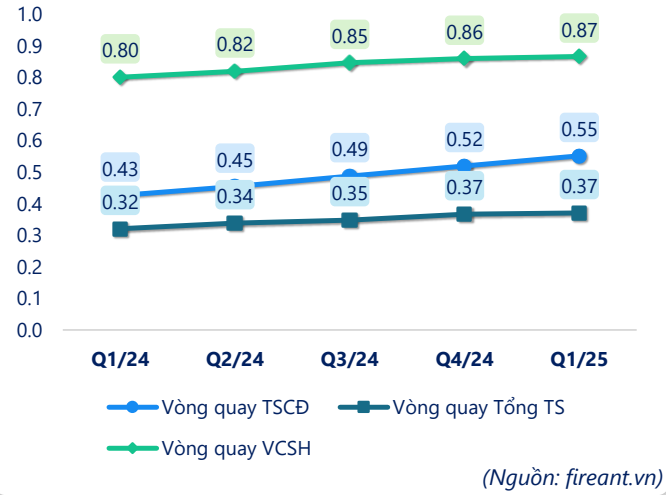
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**790**	**794**	**824**	**805**	**826**
Tài sản ngắn hạn	**194**	**204**	**246**	**240**	**278**
Tiền và tương đương tiền	24.8	77.7	82.4	140	20.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.00	3.00	5.25	5.25	5.25
Phải thu ngắn hạn	109	66.2	100	38.7	202
Hàng tồn kho	22.5	23.6	26.6	25.6	24.1
Tài sản ngắn hạn khác	34.8	33.2	31.8	29.8	26.8
Tài sản dài hạn	**596**	**590**	**578**	**565**	**547**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	558	563	555	544	527
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	18.9	7.20	5.67	5.17	4.83
Đầu tư tài chính dài hạn	0	2.25	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	18.7	17.3	17.3	16.5	15.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**472**	**464**	**477**	**444**	**452**
Nợ ngắn hạn	**98.6**	**98.4**	**111**	**92.0**	**96.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	48.6	52.2	60.5	49.0	49.7
Phải trả người bán ngắn hạn	10.5	9.53	9.04	7.01	4.49
Nợ dài hạn	373	365	365	352	356
Vay và nợ thuê dài hạn	372	364	364	350	354
Nguồn vốn chủ sở hữu	**318**	**330**	**347**	**361**	**373**
Vốn chủ sở hữu	**318**	**330**	**347**	**361**	**373**
Vốn điều lệ	315	315	315	315	315
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)